TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 07 – 3 – 2024

V/v Ly hôn giữa
bà P và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1976, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi cư trú: tổ E, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Lê Văn T, sinh năm 1973, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi cư trú: tổ E, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023 và trong qua trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, khoảng cuối năm 1992, bà và ông T đồng ý kết hôn, năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 04 ngày 11/11/2003. Sau khi cưới, ông bà sống tại nhà cha mẹ chồng, năm 2008 đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Từ lúc cưới đến nay sống không hạnh phúc do ông

T đam mê cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần đánh bà, bà và cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi, vì thương con nên bà chịu đựng bỏ qua và sống chung. Sau đó nhiều lần bà khuyên can ông T bỏ cờ bạc, lo làm ăn nhưng đến tháng 05/2023 ông T chủ động đặt điều kiện ông T sống chung mỗi tháng đưa tiền cho bà vài triệu để lo tiền ăn và tiền nhà trọ và ông T muốn đi đâu làm gì thì bà không có quyền nói, bà không đồng ý thì ông T tự bỏ đi ở nhà trọ khác. Vợ chồng ly thân từ tháng 05/2023 đến nay. Mặc dù vậy nhiều lần ông T vẫn đến phòng trọ của bà gây sự yêu cầu bà đưa tiền và đưa xe để ông cờ bạc, bà không đồng ý thì có lần ông T đánh bà, thấy vậy nên bà đã đưa tiền và đưa xe cho ông T để ông không quậy nữa. Từ đó đến nay thì không trở lại gây sự nữa. Nay, bà không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn ông T.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh năm 1993, đã thành niên, có chồng con và sống riêng nên không yêu cầu giải quyết; Lê Hoài P1, sinh ngày 19/4/2007, cháu P1 đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P1. Tại Bản ý kiến ngày 07/02/2024 của cháu P1 cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, vì bà có điều kiện nuôi con do đang làm công nhân tiền lương bình quân 6.000.000 đồng/tháng.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại Đơn xin vắng mặt ngày 31/01/2024 của ông Lê Văn T (là bị đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P; về nuôi con chung, có 02 con chung tên Lê Thị Thùy D, sinh năm 1993, đã thành niên và tự lập; Lê Hoài P1, sinh ngày 19/4/2007, ông đồng ý giao cháu P1 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung: ông để lại cho vợ và con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P và ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông T.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà P và ông T là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, ông bà mâu thuẫn và ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, bà P yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, cho ly hôn giữa bà P và ông T.

[2.2] Nuôi con chung: chị D đã thành niên và có gia đình riêng, hai bên đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Bà P yêu cầu tiếp tục nuôi con cháu Lê Hoài P1, ông T đồng ý giao cháu P1 cho bà P nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con là sự tự nguyện của bà, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà P và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, bà P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lê Văn T.

2. Nuôi con chung: giao con chung tên Lê Hoài P1, sinh ngày 05/6/2019 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại bà P đang nuôi cháu P1. Bà P không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con, nên ông T không phải cấp dưỡng.

Ông Lê Văn T không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lê Văn T trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006559 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã Phú Thạnh, H.P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương